

ÔN TẬP GIỮA KÌ I, KHỐI 12. 2025

Câu 1. Vị trí địa lí nước ta nằm ở (B)

- A. bờ Tây của Địa Trung Hải. B. khu vực có nhiều sa mạc.
C. trong vùng khí hậu ôn đới. D. khu vực gió mùa châu Á.

Câu 2. Lãnh thổ toàn vẹn của nước ta bao gồm(B)

- A. vùng biển, vùng trời và quần đảo. B. đất liền, vùng biển và các hải đảo.
C. vùng đất, vùng biển và vùng trời. D. phần đất liền, hải đảo và vùng trời.

Câu 3: Vùng đất của nước ta(B)

- A. lớn hơn vùng biển nhiều lần. B. thu hẹp theo chiều bắc - nam.
C. chỉ giáp biển về phía đông. D. gồm phần đất liền và hải đảo.

Câu 4: Lãnh hải nước ta

- A. là bộ phận của đất liền. B. có chiều rộng 200 hải lí.
C. tiếp giáp vùng biển quốc tế. D. thuộc chủ quyền quốc gia.

Câu 5: Nội liền các đảo ven bờ và các mũi đất dọc bờ biển, ta sẽ xác định được

- A. vùng nội thủy B. đường cơ sở. C. vùng lãnh hải. D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 6: Điểm cực Bắc nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Điện Biên. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Lào Cai.

Câu 7: Vùng nội thủy của biển nước ta

- A. kề với vùng tiếp giáp lãnh hải. B. nằm ở phía trong đường cơ sở.
C. là phần nằm ngầm ở dưới biển. D. nằm liền kề vùng biển quốc tế.

Câu 8. Trên biên phần lãnh thổ phía nam của nước ta kéo dài đến vĩ độ nào sau đây? (B)

- A. $6^{\circ}50'N$ B. $8^{\circ}30'N$. C. $109^{\circ}28'E$. D. $117^{\circ}20'E$.

Câu 9. Việt Nam không có chung đường biên giới với quốc gia nào sau đây?(B)

- A. Lào. B. Trung Quốc. C. Mi-an-ma. D. Cam-pu-chia.

Câu 10: Loại gió thổi quanh năm ở nước ta là(B)

- A. Tây ôn đới. B. Tín phong. C. gió phơn. D. gió mùa.

Câu 11: Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát(B)

- A. hướng các dòng sông. B. hướng các dãy núi.
C. chế độ nhiệt. D. chế độ mưa.

Câu 12. Miền Bắc nước ta, vào mùa đông thường chịu ảnh hưởng của loại gió nào sau đây? (B)

- A. Phơn Tây Nam B. Mùa Đông Bắc. C. Mùa Đông Nam. D. Mùa Tây Nam.

Câu 13. Ở vùng núi đá vôi, quá trình xâm thực tạo nên địa hình nào sau đây? (B)

- A. Địa hình các-xơ. B. Cao nguyên badan.
C. Đồi thấp, địa hình thoải. D. Bãi bồi ven biển.

Câu 14. Ở nước ta quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng

- A. núi cao. B. đồi núi thấp. C. núi trung bình. D. đồng bằng ven biển.

Câu 15: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm. B. ẩm, ẩm. C. lạnh, khô. D. ẩm, khô.

Câu 16: Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ có hướng chủ yếu là

- A. tây nam. B. đông nam. C. đông bắc. D. tây bắc.

Câu 17: Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng

- A. tây bắc. B. đông bắc. C. đông nam. D. tây nam.

Câu 18: Tính chất của gió mùa mùa hạ là

- A. nóng, khô. B. nóng, ẩm. C. lạnh, ẩm. D. lạnh, khô.

Câu 19: Gió mùa đông bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở

- A. miền Trung. B. miền Bắc. C. miền Nam. D. Tây Nguyên.

Câu 20: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

- A. Gió phơn Tây Nam. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. Gió mùa Đông Bắc. D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 21: Đầu mùa hạ, Nam Bộ có mưa chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Đông Nam. B. gió Tây Nam. C. Tín phong bán cầu Bắc. D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 22: Đặc điểm của đất feralit là

- A. có màu đỏ vàng, chua nghèo mùn.
C. có màu đỏ vàng, đất rất màu mỡ.
- Câu 23:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?
A. Mạng lưới dày đặc.
D. Thủy chế theo mùa.
- Câu 24:** Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?
A. Gió mùa Đông Bắc.
C. Gió phơn Tây Nam.
- Câu 25:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng
A. nhiệt đới gió mùa B. ôn đới gió mùa. C. cận nhiệt đới D. gió mùa.
- Câu 26:** Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài sinh vật nào sau đây chiếm ưu thế?
A. Xích đạo. B. Nhiệt đới. C. Cận nhiệt. D. Ôn đới.
- Câu 27:** Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là
A. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm. D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.
- Câu 28:** Ở vùng lãnh thổ phía Nam, thành phần loài chiếm ưu thế là
A. xích đạo và nhiệt đới. B. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
C. cận nhiệt đới và xích đạo. D. cận xích đạo và cận nhiệt đới.
- Câu 29:** Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?
A. Vùng núi cao Tây Bắc. B. Vùng núi Trường Sơn.
C. Vùng núi thấp Tây Bắc. D. Vùng núi Đông Bắc.
- Câu 30:** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?
A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Tính chất cận xích đạo.
C. Tính chất ôn hòa. D. Khô hạn quanh năm.
- Câu 31:** Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là
A. xích đạo. B. nhiệt đới. C. cận nhiệt. D. ôn đới.
- Câu 32:** Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. tây - đông. B. tây bắc - đông nam.
C. vòng cung. D. bắc - nam.
- Câu 33:** Các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng chính là
A. tây - đông. B. bắc - nam. C. tây nam - đông bắc. D. tây bắc - đông nam.
- Câu 34:** Hiện nay dân số nước ta đang ở trong thời kì
A. dân số siêu già. B. dân số già. C. dân số trẻ. D. dân số vàng.
- Câu 35:** Phân bố dân cư ta hiện nay (B)
A. không đồng đều giữa các vùng. B. tăng nhanh, cơ cấu dân số già.
C. tập trung chủ yếu ở thành thị. D. cơ cấu dân số vàng, lao động dồi dào
- Câu 36:** Dân số nước ta hiện nay
A. quy mô lớn, phân bố rất hợp lí. B. phân bố đồng đều, tăng chậm.
C. đông, cơ cấu tuổi thay đổi nhanh. D. tăng nhanh, ít thành phần dân tộc.
- Câu 37:** Dân số nước ta
A. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ. B. chủ yếu tập trung sống ở đô thị.
C. phân bố đồng đều khắp cả nước. D. đông, nhiều thành phần dân tộc.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Miền Nam gần xích đạo hơn, lại gần với các biển và đại dương về phía đông và phía nam lục địa, khiến cho ở đây các khối khí nhiệt đới Tm và xích đạo Em với đường hội tụ nội chí tuyến hoạt động mạnh hơn, gió mùa tây nam hoạt động sớm và kéo dài.

- Miền nam có mùa mưa kéo dài trong năm
- Thời tiết ở miền Nam ít biến động hơn miền Bắc
- Nam Bộ có mùa mưa kéo dài do hoạt động của gió mùa Tây Nam.
- Sự di chuyển của dải hội tụ nhiệt đới làm tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam.

→ **Đáp án: a,b,c,d đúng; .**

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sự phân hóa của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ẩm hơn và khô hanh

c) Vùng núi cao Tây Bắc nhiệt độ hạ thấp do gió mùa Đông bắc kết hợp với độ cao địa hình.

d) Tây Bắc có đủ 3 đai cao do tác động của gió mùa đông Bắc. → **Đáp án: a,b,c đúng; d : sai.**

Câu 3: Cho thông tin sau:

Năm 2021, mật độ dân số nước ta là 297 người/km², cao gấp 5 lần mức trung bình thế giới và có sự chênh lệch giữa các vùng. Trong khi vùng Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số lên tới 1 091 người/km² thì vùng Tây Nguyên mật độ dân số chỉ có 111 người/km².

a) Nước ta có mật độ dân số cao, tuy nhiên phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

b) Những vùng tập trung đông dân cư thường có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

c) Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước do có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất.

d) Dân cư tập trung đông ở các đồng bằng gây sức ép lớn nhất cho việc sử dụng đất trong nông nghiệp.

→ **Đáp án: a,b đúng; c,d : sai.**

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021

	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số (triệu người)	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,51	1,06	1,15	0,94

a) Quy mô dân số nước ta giảm liên tục qua các năm.

b) Tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất năm 2021.

c) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm, quy mô dân số tăng do dân số đông, số người trong độ tuổi sinh đẻ ít.

d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta giai đoạn 1999-2021. → **Đáp án: b,d đúng; a,c : sai.**

III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1: Giả sử một tàu biển đang ngoài khơi, có vị trí cách đường cơ sở 16,5 hải lí, vậy con tàu đó cách ranh giới ngoài về phía biển của vùng đặc quyền kinh tế theo đường chim bay là bao nhiêu km? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km) → **Đáp án: 340**

Câu 2. Cho bảng số liệu: LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 TẠI VINH

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa (mm)	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm). → **Đáp án: 2659**

Câu 3: Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM SƠN TÂY

(Đơn vị : m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng nước	1 270	1 070	910	1 060	1 880	4 660	7 630	9 040	6 580	4 070	2 760	1 690

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lưu lượng nước trong mùa cạn tại sông Hồng năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

Câu 4. Cho bảng số liệu về nhiệt độ trung bình các tháng ở Hà Nội (Đơn vị: $^{\circ}C$)

	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2

Căn cứ vào bảng số liệu tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất $^{\circ}C$) → **Đáp án: 23,5**

Câu 5: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG HUẾ

(Đơn vị: $^{\circ}C$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,2	21,1	24,3	26,8	29,4	30,6	30,0	30,5	27,2	25,5	22,8	20,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt độ của Huế (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của $^{\circ}C$) → **Đáp án: 12,4**

Câu 6: Nước ta năm 2022, dân số nam là 49,6 triệu người, dân số nữ là 49,9 triệu người). Tính tỉ số giới tính của nước ta năm 2022. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

→ **Đáp án: 99,4**

Câu 7. Năm 2023, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 1345 km^2 , số dân là 101,2 triệu người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2)

→ **Đáp án: 305**

Câu 8: Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH THÔ VÀ TỈ SUẤT TỬ THÔ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1955-2020

(Đơn vị: ‰)

Giai đoạn	1955 - 1960	1975 - 1980	1995 - 2000	2015 - 2020
Tỉ suất sinh thô	42,7	32,8	19,2	16,9
Tỉ suất tử thô	13,0	7,8	5,7	6,3

Tính tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta giai đoạn 2015- 2020?(Làm tròn 2 chữ số thập phân của đơn vị %) **Đ/S: 1,06**

Câu 9. Năm 2021, dân số Việt Nam là 98,5 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 0,94 %. Tính số dân của nước ta năm 2020,2022. (làm tròn kết quả đến một số thập phân của triệu người)